

BỔ SUNG THÊM TƯ LIỆU VỀ THIẾT CHẾ XÃ HỘI CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI MƯỜNG Ở MƯỜNG BI, HUYỆN TÂN LẠC TỈNH HOÀ BÌNH

NGUYỄN NGỌC THANH

Mường Bi còn được gọi là Thạch Bi; vào thời kỳ cuối Lê đầu Nguyễn thuộc xã Thạch Bi, tổng Thạch Bi, huyện Lạc Thổ, phủ Thiên Quan, đạo Thanh Bình¹. Ngày nay, Mường Bi thuộc huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình. Mường Bi cũ gồm 7 xã hiện nay là: Phú Vinh, Qui Mỹ, Mỹ Hoà, Do Nhân, Tuân Lộ, Phong Phú, Địch Giáo, với hơn 700 ha trải dài từ cánh đồng xã Do Nhân đến xã Mỹ Hoà và cũng là một trong bốn thung lũng lớn của người Mường: “nhất Bi, nhì Vang, tam Thành, tứ Động” mà người Mường vẫn gọi. Đặc điểm kinh tế nổi bật của người Mường ở đây là trồng lúa nước đóng vai trò chủ đạo, bên cạnh đó họ cũng làm nương, chăn nuôi, làm nghề phụ, săn bắt, hái lượm và đánh cá để đảm bảo nhu cầu tự cung tự cấp trong cuộc sống mỗi gia đình.

Trước Cách mạng tháng Tám cho đến chiến thắng Điện Biên Phủ (1954), thiết chế xã hội của người Mường ở Hoà Bình nói chung, ở Mường Bi nói riêng là mối quan hệ giữa *xóm* - *mường* - *nhà lang*. Vậy, thiết chế xã hội đó đã vận hành như thế nào và tồn tại ra sao? Nó có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống cộng đồng trong xã hội cổ truyền? Những tư liệu thu thập được dưới đây sẽ góp một phần vào lời giải đáp.

Trong xã hội cổ truyền ở người Mường, thiết chế tự quản là *xóm* (hay còn gọi là

quêl) và *mường*. *Xóm* hay *quêl* đều có nghĩa là làng. Tuy nhiên, từ *quêl* lâu nay ít được người Mường sử dụng và có thể nói về mặt ngôn ngữ từ chỉ làng của người Mường phần nào bị lu mờ. *Xóm* hiện nay là từ dùng thông dụng để chỉ làng. Trải qua nhiều bước thăng trầm lịch sử, làng của người Mường càng bộc lộ sức sống mạnh mẽ và tồn tại một cách bền vững. Đó là một xã hội thu nhỏ - xã hội cổ truyền của người Mường và cũng cần nói thêm, làng xưa kia như những vệ tinh của tổ chức *mường*.

Làng là đơn vị cơ sở của xã hội Mường gồm nhiều tiểu gia đình phụ quyền mà tế bào gia đình là cha mẹ và con cái, trong đó quyền thế tập thuộc về con trưởng. Làng buổi ban đầu do một dòng họ khai phá lập nghiệp, mà ở Mường Bi là dòng họ Đinh Thế. Trải qua nhiều biến cố của lịch sử, do nhu cầu về lao động nông nghiệp, trong đó yêu cầu về thuỷ lợi đòi hỏi tính tập thể cao, do quan hệ hôn nhân, sự tăng tiến nhân khẩu làm cho những bộ phận dân cư không ngừng di chuyển. Do vậy, làng có thêm các gia đình thuộc nhiều dòng họ khác đến cư trú và từ lâu đã được tập hợp theo láng giềng. Chẳng hạn, ở làng Bả xã Địch Giáo có các họ Đinh Thế, Đinh Công, Bùi... Người Mường thường nói: “Anh em xa, không bằng hai ba nhà cùng rộc”, chính là để chỉ mối quan hệ láng giềng đã có từ lâu đời trong xã hội Mường. Các việc lớn nhỏ của mỗi nhà, ngoài họ hàng còn có xóm giềng gần gũi lo chung, từ việc làm

¹ *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XX*. Nxb Khoa học Xã hội, H. 1981, tr. 121.

nhà, cưới xin, tang ma, đến ốm đau, sinh nở. Tuy nhiên, không vì vậy mà mối quan hệ họ hàng lại trở nên lỏng lẻo mà ngược lại vẫn duy trì mạnh mẽ, biểu hiện rõ nét nhất qua việc chọn nơi cư trú, anh em ruột thịt thường làm nhà cạnh nhau. Như vậy, ngay trong một làng vừa là mối quan hệ họ hàng vừa là mối quan hệ xóm giềng và điều đó dẫn đến sự chông chéo, tạo nên nhiều mối quan hệ ràng buộc với nhau.

Khác với làng của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ, làng của người Mường ở Hòa Bình nói chung không có ngõ. Vậy, hình thái cư trú của người Mường như thế nào? Bằng tài liệu điền dã trên thực địa, cho thấy ít nhất có hai loại hình làng:

- Làng thiết lập ở sườn đồi hoặc trên các quả đồi thấp, nhà cửa bố trí kín gò đồi, theo địa hình tự nhiên; đường đi trong làng hẹp với nhiều đường ngang tắt. Đây là kiểu phân bố theo hình vành khăn.

- Làng nằm trên mặt bằng của khu vực canh tác, cả làng có một đường đi chung, để vào từng nhà có lối đi riêng, nhà cửa tập trung thành từng cụm, phân bố mật tập. Tại Mường Bi có đến 20 làng bố trí theo dạng này.

Về tên làng, qua khảo sát cho thấy người Mường thường đặt theo đặc điểm tự nhiên, tính chất đất đai nơi cư trú hoặc tên các loài cây, các loài động vật. Chẳng hạn, làng gọi theo tính chất đất đai nơi cư trú có: *Đung* (rừng rậm), *Dool* (dãy đồi), *Thung nganh* (thung lũng), *Bây* (lầy thụt); mang tên cây có các làng: *Lảo* (núa), *Trạch* (cây tre), *Mít* (cây mít), *Pai* (cỏ gianh), *Thăm* (rau răm), *Ki* (cây si), *Mùn* (tên một loại lúa nếp), *Chạo* (giống lúa chạo). Xuất xứ của những tên làng này được người Mường giải thích, trước khi lập

làng đây là những nơi rừng tre, núa và có nhiều cỏ gianh. Làng gọi theo tên các con vật như: *Hò* (con rùa), *Oong* (con ong), *Pò* (con bò). Cũng xuất hiện tên làng gọi theo vai trò và tầng lớp xã hội như: làng *Chiềng* chỉ nơi cư trú của *lang cun*, hay *túa roong* - làng của những người làm nương rẫy.

Làng có ranh giới riêng, mặc dù chỉ mang tính ước lệ nhưng được truyền lại qua nhiều thế hệ. Người Mường thường dựa vào dòng nước sông suối, hòn đá, gốc cây to, để phân chia địa giới. Khu vực đất đai thiên nhiên chung của làng đã được xác lập một cách bền vững. Ngoài đất ở là đất sản xuất, núi rừng, được các thành viên của làng biết rõ và cũng được các thành viên của làng khác tôn trọng. Ruộng đất của làng nào thuộc quyền sử dụng của làng đó. Người dân của làng này không thể sản xuất trên đất đai cũng như thu hái lâm thổ sản trên rừng của làng khác. Người di cư đi nơi khác không còn có quyền lợi về đất đai ở làng cũ. Xưa kia hiếm thấy hiện tượng xâm chiếm đất đai giữa các làng ở kề nhau. Luật tục Mường qui định: người làng khác đến bán thú, nếu con thú trúng đạn phải chia một nửa phía nằm dưới đất cho *lang* ở làng đó. Hoặc một người nào đó thuộc làng khác bắt gặp một loài ong làm tổ trên mặt đất, được quyền chiếm làm của riêng nhưng phải biếu *lang* một ít sâu, lấy ở tầng dưới cùng trong lòng đất.² Những hiện tượng này, phải chăng biểu hiện của quyền chiếm hữu đất đai mà đại diện thuộc về *lang*.

² Nguyễn Từ Chi. *Người Mường ở Hòa Bình cũ*, trong sách: "Người Mường với văn hoá cổ truyền Mường Bi", Sở Văn hoá Hà Sơn Bình, 1988, tr. 377.

Tính cộng đồng và tính tập thể cũng là đặc điểm nổi bật ở người Mường. Đặc điểm đó thể hiện trên nhiều mặt trong đời sống của làng. Các hình thức sản xuất tập thể được hình thành phổ biến và có ý nghĩa không nhỏ đối với từng đơn vị kinh tế gia đình. Một trong những đặc điểm của tổ chức nhóm lao động là không định thành phần tham gia, mà chỉ tập hợp nhất thời từng vụ, từng việc theo sự tự nguyện của các thành viên để đáp ứng yêu cầu cấp bách về thời vụ. Trong canh tác nương rẫy và làm ruộng đều cần đến lao động tập thể ở một số khâu công việc. Vì vậy, hình thức đổi công (*lụ nhau*), nhà này đến làm cho nhà khác vào các dịp mùa vụ với một số công như nhau vẫn được duy trì. Hết thời vụ mà gia đình nào đó chưa kịp trả hết công cho nhà khác, có thể để lại vào vụ sau. Gia đình neo đơn hoặc gặp hoạn nạn được mọi người trong làng giúp đỡ và không tính toán thiệt hơn. Những lúc mất mùa, đói kém, người trong làng thường cứu mang đùm bọc; nhà nào có của ăn, của để sẵn sàng cho nhà thiếu ăn một, hai yến thóc, năm, bảy cân gạo, ít cũng vài cân ngô, cân sắn và coi đó là trách nhiệm chứ không phải là ban ơn làm phúc. Khi có một người qua đời, cả làng đến lo giúp tang chủ việc mai táng. Đám cưới coi như sự kiện vui chung của dân làng và đều được gia chủ mời đến dự, đồng thời tùy theo khả năng của mỗi nhà mà có chút quà mừng bằng gạo, hoặc bằng tiền...

Cùng với việc đổi công, hợp tác giúp nhau, những qui định chung trong sinh hoạt của làng cũng được tôn trọng. Trước đây, khi bắt đầu vụ sản xuất, người ta thường nhắc nhau bảo vệ mùa màng,

không để gia súc phá hoại hoa màu, không vào rừng hái măng ngoài những ngày đã qui định; bẫy thú phải thông báo cho người trong làng biết và chỉ được đặt bẫy ở những nơi xa làng; mọi người cùng có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh nguồn nước công cộng.

Trước đây quản lý làng là *tạo* (*tạo* là anh em ruột thịt của dòng họ *lang cun* thuộc ngành thú); giúp việc cho *tạo* có các *âu*. Mọi công việc của *tạo* trong quản lý làng đều phải xin ý kiến của *lang cun* và hàng năm *tạo* phải có nghĩa vụ đóng góp lễ vật cho ông ta. Ngoài các chức vụ trên đây, trong hệ thống tự quản làng còn có người già, các chủ gia đình, các trưởng họ và các thầy mo. Đó là những người hiểu biết luật tục, phong tục tập quán, kinh nghiệm sản xuất. Các vấn đề mâu thuẫn phát sinh trong gia đình, dòng họ, trong làng thường được các nhân vật này đứng ra giải quyết.

Mường là đơn vị tổ chức xã hội, tập hợp nhiều *làng* trong cùng một thung lũng, hay nhiều thung lũng liên kề nhau. Đơn vị tổ chức này đặt dưới sự cai quản của một dòng họ quý tộc mà người Mường vẫn gọi là *nhà lang*. Tầng lớp thống trị *nhà lang* tập hợp thành những dòng họ phụ hệ; mỗi dòng họ chiếm lĩnh một *mường*. Mỗi dòng họ *nhà lang* tự phân biệt với các dòng họ khác không chỉ bằng *mường* họ chiếm lĩnh mà còn bằng tên họ (Đình, Quách, Bạch, Hà, Hoàng). Trong xã hội cổ truyền của người Mường, *mường* là một đơn vị hành chính - xã hội độc đáo không có dạng tương đương như ở người Việt và cũng khác với *mường* của người Thái. Nếu như ở người Thái có 3 dạng cấp độ cao thấp

khác nhau (*lộng, mừng phìa, châu mừng*)³, thì ở người Mường chỉ biểu thị một cấp chung (dù to như mừng Bi gần trăm làng, nhỏ như mừng Đúp mười ba làng)⁴.

Tổ chức bộ máy thống trị trong từng *mường*, do *nhà lang* thiết lập theo thể thức: con trai cả của chi nhánh cả trong dòng họ *nhà lang* trên danh nghĩa cai quản toàn *mường* dưới danh hiệu *lang cun*. Tuy vậy, trên thực tế, ông ta chỉ trực tiếp quản một số làng ở trung tâm *mường* mà người ta gọi là *chiềng*. *Lang cun* vừa là chủ *chiềng*, vừa là chủ toàn *mường*, khi về già ông ta được dân trong *mường* kính cẩn gọi là *lang đá* hoặc *lang già*. Thế lực của *lang cun* mạnh hay yếu tùy thuộc vào số ruộng đất và số dân trong *mường*. *Lang tạo* cai quản từ 3 đến 5 xóm, ở các *mường* lớn có thể lên tới 7 đến 8 xóm, tương đương một xã ngày nay. *Lang tạo* phải tuân thủ các qui chế của *chiềng* mà người Mường gọi là *nghe về chiềng* (*nghe về chiềng*). Quan hệ giữa *lang cun* với các *lang tạo*, trong phạm vi một *mường* là quan hệ giữa những người đại diện của các chi nhánh thứ và chi nhánh cả trong phạm vi một dòng họ. Theo tập quán, các con cháu *nhà lang* không được quyền cai quản đất đai nhưng rất có uy thế về chính trị.

Hơn bất cứ nơi nào khác, tại *mường Bi*, quyền hành *nhà lang* rất lớn:

“Thượng ngọn tre, hạ ngọn cỏ

Nhỏ là con bố, con mẹ

Lớn lên là con cun, con lang”

Để duy trì quyền lợi của mình, *nhà lang* đề ra các quy định và quản lý dân theo các quy định đó. Hàng năm nếu *nhà lang* có việc lớn (cưới, làm nhà...), dân trong *mường* phải có nghĩa vụ đến giúp. Nếu làm nhà mới thì mỗi nhà trong *mường* tự giác mang tre, nứa, lá cọ đến nộp cho *nhà lang*.

Nhà lang cưới vợ gả chồng cho con trai, con gái thì dân *mường* có nghĩa vụ đến làm mọi việc phục dịch cho đám cưới, đồng thời tùy theo khả năng của từng gia đình mà có thể mang một, hai con gà hoặc vài lít rượu, một tấm vải gọi là góp cho *nhà lang*. Trong trường hợp nếu *nhà lang* có bố, mẹ chết thì dân trong *mường* phải đến lo giúp việc chôn cất. Nếu *lang cun* không may qua đời, trước hết các *lang* xóm đều phải đến chịu tang như chính bố, mẹ mình chết, con trai phải búi tóc, con gái cắt tóc ngang vai và khi khóc phải kêu là “võ ao, võ phai” (*lở tâm, lở phai*); ngoài ra mỗi gia đình còn đóng góp cho *nhà lang* một đôi gà, 50 ống gạo, hai chiếc chiếu, một mâm gỗ, một chục bát, một vò rượu cần, một chai dầu và 3 đồng bạc trắng. Theo tục lệ của từng nơi mà lễ vật có thể nhiều hay ít: chẳng hạn, nhà nào cấy từ 1000 bó mạ⁵ trở lên phải nộp một con trâu, một con lợn 10 *chít*; nhà nào cấy 500 mạ trở lên nộp một con bò và một con lợn 5 *chít*⁶.

³ Cẩm Trọng. *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H. 1978, tr. 327.

⁴ Nguyễn Từ Chi, Lê Mạnh Năm. *Nét độc đáo và phức hợp trong văn hoá cổ truyền Mường*, báo cáo trong Hội thảo khoa học 50 năm nghiên cứu văn hóa Mường, 1995.

⁵ Theo cách tính của người Mường cứ 1 bó mạ bằng 5 nắm tay và cấy được 11 m²; 1000 bó mạ cấy được khoảng 1 ha.

⁶ *Chít* là một đơn vị đo chiều dài của người Mường; một *chít* bằng chiều ngang một nắm tay.

Trong làng, trong *mường* có gia đình nào làm nhà mới, tổ chức đám cưới hoặc có tang đều phải mời *nhà lang* đến dự và khi ra về ông ta được gia chủ biếu 2 kg thịt lợn hoặc 1 con gà, 1 chai rượu. Dân có việc mổ trâu, bò, lợn đều phải biếu *nhà lang* một vai. Săn được thú rừng phải đem đến biếu *nhà lang* theo thể thức “trâu nộp vai, nai nộp đùi sau” (*vác tru, lu-nai*).

Về ruộng đất, những thửa ruộng gần làng (*chân quê trước vóng*), gần nguồn nước (*mệnh táng cáng mường*) là của *nhà lang*. Ruộng của *nhà lang* như xưa người ta thường nói trâu kéo cày đến đâu thì ruộng *nhà lang* kéo đến đó, khi trâu kéo đứt chạc mới hết ruộng *nhà lang*. Điều này chứng tỏ *nhà lang* là người chiếm nhiều ruộng nhất trong vùng. Trước đây ruộng của *nhà lang* là do dân trong *mường* làm. Toàn bộ sản phẩm thu hoạch thuộc về *nhà lang*, dân chỉ được cho ăn một bữa hôm cày, cấy.

Nhà lang còn là người đứng đầu về mặt tôn giáo. Dân *Mường* coi ông ta là người đại diện cho mình tiếp xúc với thần thánh, vì thế trong nhiều nghi lễ của *mường*, của làng, nhất thiết phải có mặt *nhà lang*.

Để công việc được trôi chảy, *nhà lang* có bộ máy giúp việc là *ậu*. Các chức dịch *ậu* không cha truyền con nối và *lang cun*, *lang tạo* có thể truất quyền *ậu* bất cứ lúc nào. Đối với *lang cun*, đứng đầu *ậu* là *chắc cả* hay còn gọi là *ậu lớn*: đây là người đứng đầu toàn bộ hệ thống *ậu* ở *chiềng* và đôi khi còn được lang cho phép thay mặt mình tiếp xúc với dân. Đối với *lang tạo* đứng đầu *ậu* là *ậu khà*: đó là người đại diện cho *lang tạo* tiếp xúc với dân trong xóm. Bên dưới *ậu lớn*, *ậu khà* là các *ậu* làm những nhiệm vụ sau đây:

- *Ậu cháu*: chuyên đi đốc thúc dân đến nhà lang làm các công việc phục dịch.

- *Ậu hoá*: lo tổ chức đám cưới, đám tang ở nhà lang.

- *Ậu huyền*: đốc thúc cày bừa, cấy hái và thuở lợi.

- *Ậu quyền*: lo lương thực và thu thuế.

- *Ậu chiềng*: theo dõi, cắt cử dân *mường* đến phục vụ hầu hạ ở nhà lang.

- *Ậu pọ*: trông nom con cái lang và hầu hạ vợ lang.

- *Ậu thế*: trông coi đền miếu, bàn thờ tổ tiên nhà lang.

- *Ậu lam thường*: thông báo các luật lệ nhà lang đến dân *mường*.

- *Ậu công khó*: xem xét người có công với nhà lang để được cất nhắc.

- *Ậu cai xã*: đốc thúc thu thuế, nộp thuế cho Nhà nước.

- *Ậu cai cả*: chuyên bắt cùm, đánh đập những ai làm trái luật lệ nhà lang.

- *Ậu cai nhưng*: phụ trách việc ăn uống ở nhà lang.

- *Cai lính*: phụ trách đội lính ở nhà lang.

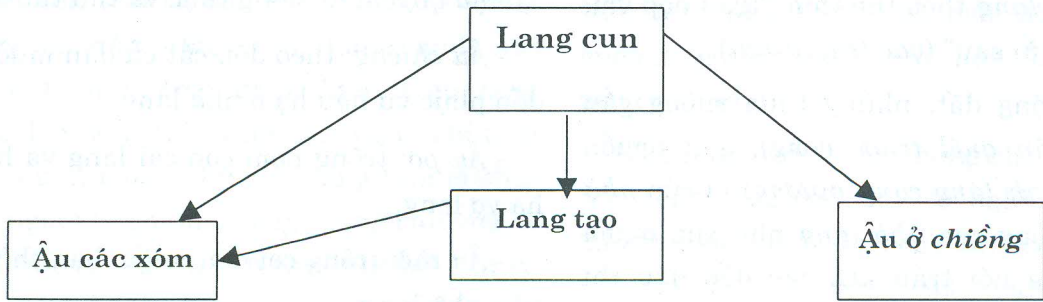
Về quyền lợi, các chức dịch kể trên được hưởng một phần ruộng công tính theo số lượng mạ do *nhà lang* chia cho. *Ậu lớn* và *ậu khà* được hưởng 1554 bó mạ, các *ậu* khác hưởng từ 1100 đến 1225 bó mạ. Về danh nghĩa, các *ậu* được hưởng toàn bộ hoa lợi trên diện tích canh tác, nhưng trên thực tế các *ậu* cũng phải biếu xén, nộp một phần sản phẩm cho *nhà lang*. Ruộng *ậu* thường kèm theo tên gọi của từng chức dịch như: *nà cả*, *nà hầu*, *nà lính*... Các *ậu*

được tham gia vào nghi lễ nông nghiệp hàng năm, được dân trong xóm kính nể. Theo lệ, trong xóm nhà nào có người chết không chỉ biếu phần thịt trâu, bò, lợn cho lang mà còn biếu cho các *âu*.

Về nghĩa vụ, *âu* phải gánh vác thật tốt các công việc mà nhà lang giao cho. *Nhà*

lang có tang, theo phần ruộng được hưởng mà *âu* phải nộp trâu, bò (*góp lối*). Vào những ngày đó, *nhà lang* thường đông khách nên các *âu* còn có nhiệm vụ đón khách về nhà mình làm cơm rượu thết đãi.

Dưới đây là sơ đồ bộ máy thống trị truyền thống của *nhà lang* ở Mường Bi.



Tầng lớp “bị trị” thường có chung một tên họ là Bùi, bất kể là người thuộc các chi họ nào đi nữa. Như vậy, Bùi thực ra, không còn là tên họ mà vô hình chung đã trở thành tên chỉ “tầng lớp” bị trị. Dân Mường đương nhiên thừa nhận sự thống trị của *nhà lang* và họ được hưởng một phần ruộng đất công. Để trả ơn, dân phải có bốn phận lao động không công trên ruộng lang, thay nhau đi phiên (*ti phiên*) hầu hạ vợ con lang (mỗi phiên 10 ngày), đồng thời phải chịu mọi thứ đóng góp như:

- Nộp thuế ruộng.
- Hàng vụ đến nhà lang làm *nợ*⁷.
- Làm nhà mới cho lang.
- Đóng góp rượu, thịt, gà khi nhà lang có đám tang, đám cưới.

Nhà nào không làm tròn nghĩa vụ của mình đối với nhà lang, sẽ bị lang tịch thu ruộng. Ngoài ra, *nhà lang* còn đặt ra lệ *thu lạt* và *thu mạng*. *Thu lạt* được áp

dụng cho những gia đình không có con trai nối dõi, còn *thu mạng* trong trường hợp trai gái yêu nhau chưa tổ chức đám cưới mà đã có chửa thì phải phá thai. Cả hai trường hợp đều bị nhà lang tịch thu toàn bộ ruộng đất. Để duy trì cuộc sống, những gia đình này chỉ còn cách lên đồi đốt rẫy làm nương mà sống, bị xã hội cũ khinh rẻ, xếp vào loại *đứa nương* (*tựa roong*). Về danh nghĩa, họ vẫn là dân trong xóm, vẫn phải phục tùng lang nhưng thực tế họ không được cùng các gia đình khác trong xóm tham dự vào các lễ nghi của cộng đồng.

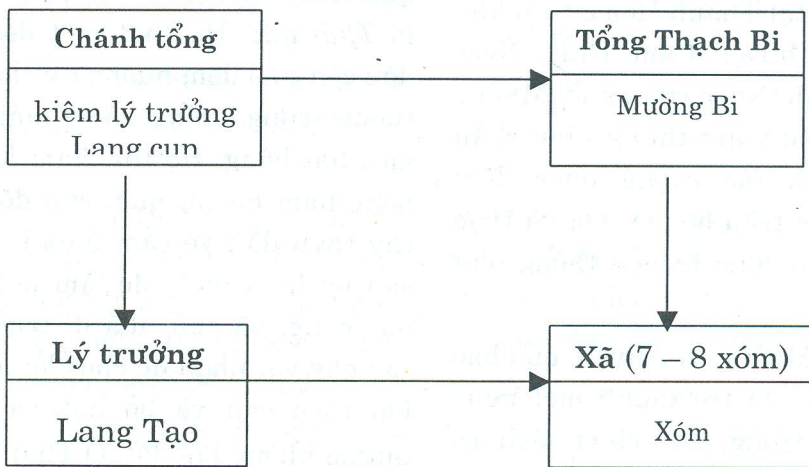
Nhìn chung, cho tới trước ngày hoà bình lập lại (1954) xã hội người Mường về cơ bản là chế độ *nhà lang*, được Nhà nước phong kiến và thực dân Pháp lợi dụng để duy trì ách thống trị. Tuy nhiên, cơ cấu xã hội cổ truyền của người Mường đã bị xáo trộn với những cải cách của Minh Mệnh - bên cạnh các cấp tổng, xã là các cấp xóm. Mường Bi cũ dưới thời Minh Mệnh gọi là tổng Thạch Bi và cứ 7 - 8 xóm lập thành một xã (gồm các xã: Dịch Giáo, Phong Phú, Phú Vinh, Mỹ Hoà, Do Nhân, Tuân

⁷ Ruộng *nợ* là những mảnh ruộng của *nhà lang*; những người hưởng ruộng hàng vụ phải đến làm không công cho *nhà lang*.

Lộ, Qui Mỹ). *Lang cun* mừng Bi giữ chức chánh tổng kiêm lý trưởng một xã, các *lang tạo* được cử giữ chức lý trưởng các xã khác trong mừng. Như vậy, vô hình chung quyền hành của *lang cun* bị hạn chế vì đứng trên phương diện chính quyền các lý trưởng đều có quyền lực ngang nhau. Uy thế và uy tín cũng như quyền lợi về mọi mặt của *lang cun* bị thu hẹp dần và ngày càng không được dân tín nhiệm. Có thể đơn cử trường hợp *lang tạo* ở xóm

Dâm, xã Qui Mỹ là Đình Thế Đĩnh: do có học, giao thiệp rộng, lại có mối quan hệ với các quan trên tỉnh nên Đĩnh có thế lực và dần dần gây thanh thế sang các xã xung quanh và không phục tùng *lang cun* mừng Bi. Một lần dựa vào cố dân xã Phú Vinh đến làm nô cho *lang cun* bị mất một con trâu, Đĩnh bắt *lang cun* đền, nhưng *lang cun* không đền. Từ đó, Đĩnh không cho dân thuộc quyền mình cai quản đến làm nô cho *lang cun* nữa.

Sơ đồ bộ máy thống trị ở mừng Bi dưới thời Minh Mệnh



Sau khi miền Bắc hoàn toàn được giải phóng (1954), chế độ *nhà lang* không còn nữa. Người nông dân có ruộng đất tự do làm ăn, sinh sống và bình đẳng về mọi mặt. Tổ chức xã hội được thiết lập theo cơ cấu làng, xã, huyện, tỉnh. Xã hội được quản lý bởi hệ thống hành chính thống nhất trong toàn quốc, có Hội đồng nhân dân là cơ quan đại diện cho quyền lực của nhân dân trong xã, có Ủy ban nhân dân điều hành công việc hành chính, có tổ chức Đảng (Đảng ủy xã). Ngoài ra còn có các tổ chức đoàn thể như: Thanh niên, Phụ nữ, Hội nông dân... Bên cạnh việc quản lý xã hội bằng luật pháp của Nhà nước, ở một mức độ nhất định, vai trò của tập quán pháp vẫn còn tác động ít nhiều.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Từ Chi. *Người Mừng ở Hoà Bình cũ*, trong sách: "Người Mừng với văn hoá cổ truyền mừng Bi", Sở Văn hoá Hà Sơn Bình 1988.
2. Cẩm Trọng. *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb KHXH, H. 1978.
3. Nguyễn Từ Chi, Lê Mạnh Năm. *Nét độc đáo và phức hợp trong văn hoá cổ truyền Mừng*, Báo cáo khoa học, Hội thảo 50 năm nghiên cứu văn hóa Mừng, 1995.
4. Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ X. Nxb KHXH, H. 1981.